TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-PT
Ngày 22-7-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản
(đòi tiền góp hụi dùm)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hữu Bình

Ông Huỳnh Đắc Đương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp đòi lại tài sản (đòi tiền góp hụi dùm).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DSST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số 146/TB-TA ngày 09/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1981, địa chỉ ấp L, xã M, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị L: Anh Trần Minh T, sinh năm 1978, địa chỉ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019, số chứng thực 153, quyển số 01/2019-SCT/CK,ĐC của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, địa chỉ ấp C, xã H1, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Luật sư Võ Hùng H - Văn phòng Luật sư Huy Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1978, địa chỉ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người làm chứng:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1975, địa chỉ tại Việt Nam: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ tại USA: 9813 Walnut st Apt G208 Dallas, Tx 75243, USA (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày như sau:*

Giữa chị với bà Nguyễn Thị L có quan hệ bà con nên chị có nhờ bà L tham gia góp hụi dùm 01 phần hụi, loại hụi 10.000.000đ/tháng, 21 phần, mở ngày 06 tháng 5 năm 2016 (âm lịch), mỗi tháng khui 01 lần, hoa hồng cho đầu thảo 5.000.000đ. Dây hụi này do chị Tô Thị Phương D, địa chỉ ấp K, xã H1 làm đầu thảo.

Từ ngày thỏa thuận tham gia góp hụi do bà L đứng tên dùm thì chị đóng hụi sống đầy đủ cho bà L 20 lần kể từ lần khui thứ nhất ngày 06/5/2016 (âm lịch). Đến lần khui thứ 21 ngày 06/12/2017 (âm lịch), chị hốt chót số tiền được 200.000.000đ trừ huê hồng cho đầu thảo còn lại 195.000.000đ, bà L đã hốt và nhận tiền đầy đủ nhưng không giao lại cho chị, chị đòi nhiều lần nhưng bà L không trả.

Nay chị Trần Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả chị số tiền 195.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 0.83%/ tháng.

** Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không có bản khai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, bà L trình bày:*

Bà L có tham gia dây hụi 21 phần, loại hụi 10.000.000đ/tháng, mỗi tháng khui 01 lần, do chị Tô Thị Phương D, địa chỉ ấp K, xã H1 làm đầu thảo (hoa hồng cho đầu thảo 5.000.000đ). Dây hụi này đã khui được 01 lần vào ngày 06/5/2016 (âm lịch), hụi viên hốt kêu số tiền 2.400.000đ. Dây hụi này bà L tham gia một phần và đã đóng hụi sống 01 lần, sau đó chị Trần Thị P là chị ruột của chị Trần Thị L đến gặp nhờ bà chơi hụi dùm nên bà đã nhường phần hụi này lại cho chị P, chị P đã trả cho bà số tiền hụi mà bà đã đóng lần đầu, nhưng lâu quá số tiền cụ thể bà không nhớ. Các lần khui hụi tiếp theo đầu thảo gom tiền bao nhiêu thì bà giao tiền cho đầu thảo, sau đó chị P trả tiền lại cho bà.

Đến lần khui hụi thứ 11, chị Trần Thị P và anh Trần Phong D (anh ruột của chị P) đến gặp bà và nói chị P đồng ý cho anh D mượn hụi của chị P và nhờ bà

kêu dùm để hốt, nhưng khi bỏ thăm thì không hốt được do người khác bỏ thăm cao hơn. Đến lần khui hụi thứ 14 (lúc này chị P đã đi nước ngoài) bà tiếp tục kêu hụi dùm để hốt nhưng vẫn hốt không được do người khác kêu cao hơn. Do không hốt được hụi nhưng anh D nói cần tiền để xử lý công việc, nên anh D với bà có thỏa thuận bà giao cho anh D số tiền bằng số tiền người kêu hốt hụi lần thứ 14, anh D hứa sau khi giao tiền thì anh D đóng tiền hụi chết, anh Trần Minh T đóng tiền hụi sống (ví dụ: Hụi viên kêu hụi lần thứ 15 số tiền bằng 2.000.000 đồng được hốt hụi, thì anh D có trách nhiệm đóng 2.000.000 đồng, anh T đóng 8.000.000 đồng). Chính vì thỏa thuận này nên bà đã giao cho anh D số tiền hốt hụi của lần thứ 14 gồm tiền hụi chết của 13 người bằng 130.000.000đ và 54.600.000 đồng tiền hụi sống của 06 người, trừ tiền đầu thảo 5.000.000 đồng, nên bà đã giao trực tiếp cho anh D nhận số tiền 179.600.000 đồng và anh D có viết cho bà 02 biên nhận cùng ngày 28/7/2017 mà bà đã nộp cho Tòa án.

Sau khi bà giao tiền cho anh D, kể từ lần khui hụi thứ 15 đến khi mãn hụi lần thứ 21 thì anh D và anh T đóng đủ tiền cho bà như thỏa thuận. Số tiền mà bà đã giao cho anh D lần khui hụi thứ 14 là do bà mượn tiền của công ty thức ăn vì thời điểm đó bà bán thức ăn chăn nuôi, nên đến lần khui hụi thứ 19 bà kêu hốt để trả lại cho công ty. Vì vậy mà trong sổ hụi của chị D làm đầu thảo bà là người hốt hụi thứ 19 là có nguyên nhân như trên.

Do bà chơi hụi dùm chị P không phải chơi hụi dùm chị L, nên yêu cầu khởi kiện của chị L bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh T trình bày:*

Chị Trần Thị L là em ruột của anh. Do chị L có chồng và sinh sống ở Tiền Giang nên việc đóng hụi không thuận tiện. Vì vậy, sau khi chị P đi nước ngoài thì mỗi tháng đến kỳ đóng hụi chị L gửi tiền về cho anh, sau đó anh đưa tiền cho bà L đóng hụi cho đầu thảo nhưng anh không nhớ chính xác mỗi lần đóng là bao nhiêu tiền. Dây hụi này hiện nay đã mãn, chị L là người hốt chót nhưng bà L không giao tiền hốt hụi cho chị L.

Sau khi mãn hụi, anh có đến nhà bà L để đòi tiền dùm chị L nhiều lần, bà L thừa nhận có hốt hụi của Loan nhưng không chịu giao vì cho rằng anh Trần Phong D thiếu tiền bà L nên bà L lấy tiền hụi của Loan cấn trừ nhưng không được sự đồng ý của L.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng chị Trần Thị P trình bày:*

Khi còn ở Việt Nam, em chị là Trần Thị L có chồng sống ở Cai Lậy, Tiền Giang có điện thoại cho chị hỏi có ai làm đầu thảo hụi không để chị L tham gia. Khi đó chị trả lời với chị L để qua hỏi bà L có biết ai làm đầu thảo hụi thì cho chị L hay. Khi đó chị qua gặp bà L nói rõ với bà L là chị L em ruột của chị muốn chơi hụi nhờ bà L chơi dùm, bà L trả lời có dây hụi tháng 10.000.000 đồng mới khui lần đầu gồm 21 hụi viên do chị Tô Thị Phương D ở ấp K, xã H1 làm đầu thảo, bà L tham gia 01 phần, hụi đã khui lần đầu người hốt hụi đầu tiên kêu số tiền 2.400.000 đồng, nên hụi viên phải đóng số tiền 7.600.000 đồng. Bà L

nói nếu chị L cần chơi thì bà L nhường dây hụi này cho chị L và được chị L đồng ý. Do dây hụi này bà L đã đóng 01 lần hụi sống số tiền 7.600.000 đồng, nên chị L đã gửi số tiền 7.600.000 đồng để trả cho bà L.

Từ lần khui hụi thứ 2 trở đi, mỗi lần khui hụi thì bà L điện thoại cho chị biết số tiền phải đóng hụi sống và chị điện thoại cho chị L để chị L gửi tiền về đóng hụi. Đến ngày 23/5/2017 chị sang định cư tại Mỹ thì trước đó 01 ngày chị có qua gặp bà L nói rõ sau này mỗi lần khui hụi thì bà L điện thoại cho em chị là anh Trần Minh T để anh T cho chị L hay gửi tiền về cho anh T để đóng hụi cho bà L. Lúc đó, chị có nói với bà L khi chị L hốt hụi thì giao tiền cho anh T để anh T giao cho chị L ngoài ra không được giao cho ai và được bà L đồng ý.

Chị khẳng định việc chơi hụi như trên là bà L chơi dùm em ruột của chị là chị Trần Thị L. Lời khai của bà L cho rằng bà L chơi hụi dùm chị là không đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DSST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả cho chị số tiền mà chị nhờ bà L tham gia góp hụi dùm hốt được 195.000.000đ và lãi suất chậm trả từ tháng 01/2018 đến tháng 11/2018 bằng 16.185.000đ (1950.000.000đ x 0,83%/tháng x 10 tháng =16.185.000đ). Cộng chung vốn và lãi bằng 211.185.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T quyết định kháng nghị đề nghị hủy án sơ thẩm với các nội dung sau:

- *Thứ nhất,* phần quyết định của bản án buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị L số tiền 195.000.000 đồng và tính lãi từ tháng 01/2018 đến tháng 11/2018 là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vượt quá phạm vi khởi kiện.

- *Thứ hai,* bị đơn không có yêu cầu phản tố nhưng bản án tuyên bác yêu cầu của bị đơn là không cần thiết.

- *Thứ ba,* Tòa cấp sơ thẩm đưa anh Trần Phong D vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và bị đơn bà L có cung cấp địa chỉ anh D đang định cư ở Hàn Quốc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, làm rõ đối với anh D để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp tỉnh giải quyết mà nhận định anh D không có liên quan đến vụ án là không đúng pháp luật.

Ngoài ra trong vụ án còn nhiều nội dung, tình tiết chưa được đối chất, làm rõ như đối với các nội dung tin nhắn do bà L nhắn cho chị L, file ghi âm, ghi

hình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chưa nhất quán nên việc áp dụng pháp luật nội dung tại các điều của Bộ luật dân sự là chưa chính xác, việc tính lãi theo lãi của hợp đồng vay là không phù hợp.

Hồ sơ vụ án thể hiện có người liên quan là anh Trần Phong D, anh D hiện nay đang lao động ở nước ngoài. Phía bị đơn có cung cấp địa chỉ của anh Trần Phong D nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

** Ý kiến tranh luận của anh T là người đại diện theo ủy quyền của chị L trình bày:*

Việc chơi hụi là giao dịch giữa chị L và bà L nên bà L phải có trách nhiệm với chị L. Anh D hoàn toàn không có liên quan đến việc chơi hụi, nếu anh D có nợ tiền bà L thì do 02 người tự giải quyết. Đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm. Về thời gian tính lãi anh thống nhất tính lãi tròn 9 tháng.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được các thiếu sót về thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm, làm rõ được anh D không phải là đương sự trong vụ án vì anh D không có liên quan gì đến việc chơi hụi giữa chị L, chị P và bà L nên vi phạm đã được khắc phục. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trong việc tính lãi vượt quá yêu cầu của nguyên đơn, tuyên án đối với phần bị đơn không có yêu cầu phản tố là không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm về thời gian tính lãi chậm trả, giữ nguyên quyết định về số tiền nợ gốc 195.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền chơi hụi dùm 195.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm trả. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản là đúng thẩm quyền, đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận có chơi hụi dùm, thừa nhận người chơi hụi dùm chưa hốt hụi và đóng đủ tiền hụi sống cho đến khi mãn hụi. Về người chơi hụi dùm nguyên đơn cho rằng bà L chơi hụi dùm nguyên đơn, còn bị đơn bà L thì cho rằng chơi hụi dùm cho chị Trần Thị P. Tại phiên tòa phúc thẩm chị P khẳng định chị hoàn toàn không có tham gia dây hụi 21 phần như bà L khai mà chỉ là người giúp chị L là em ruột để nhờ bà L chơi hụi dùm và giao tiền cho bà L đóng hụi sống dùm cho chị L.

[3] Theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 04 tin nhắn có nội dung: *"Hụi chú Diệu mượn rồi cô Loan ơi! Chú Diệu cho cô biết chưa vậy?"; "Cô Loan hụi chú Diệu mượn rồi chú Diệu cho cô hay chưa"; "Cô Loan hụi chú Diệu nói với cô hay chưa vậy? Chú mượn rồi đó chú nói điện cho cô rồi để đóng tiền đi Hàn Quốc qua bên đó gửi tiền trả cho cô"; "Cô Loan chú mượn tiền của cô để thế chấp ngân hàng đi Hàn Quốc khi về chú trả cho cô chú có điện thoại cho cô mà cô không nghe máy. Chú có xuống nhà ông Út nói cho ông Út nghe là chú có thừa nhận số tiền đó, nếu cô không hài lòng tôi sẽ nói chú Đoàn cho chú Đoàn xử lý"*. Nội dung 04 tin nhắn này được bà L xác định do bà nhắn cho chị Trần Thị L (bút lục 220).

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung 04 tin nhắn được bà L thừa nhận, Tòa án có đủ căn cứ để xác định: Bà Nguyễn Thị L là người chơi hụi dùm chị Trần Thị L, việc bà L chưa được sự đồng ý của chị L mà giao tiền hụi của chị L cho anh Trần Phong D mượn (anh D là anh ruột của chị L) như lời khai của bà L là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà L trả cho chị L số tiền chơi hụi dùm hốt chót bằng 195.000.000 đồng là có căn cứ pháp lý.

[5] Như nhận định ở phần trên, anh D không có liên quan gì đến vụ án mà chỉ là ý kiến nại ra của phía bị đơn nhằm trốn trách nghĩa vụ trả tiền cho chị L, nên lời trình bày của Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa có cơ sở vững chắc để quyết định trong bản án. Lẽ ra khi xét xử phải dừng phiên tòa để làm rõ các nội dung như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được các thiếu sót này, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để tránh sai lầm tương tự. Các vấn đề khác như nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng bản án quyết định cho bị đơn trả lãi từ tháng 01/2018 là không đúng, nên chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sửa án sơ thẩm, chấp nhận thời gian tính lãi chậm trả tròn 09 tháng như ý kiến của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa. Các quyết định khác của án sơ thẩm về tuyên bác yêu cầu của phía bị đơn là không đúng, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiên cứu, tiếp thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 166, 170, 280 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, sửa án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 10/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về phần tính lãi chậm trả.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị Trần Thị L số tiền 195.000.000 đồng *(một trăm chín mươi lăm triệu đồng)*. Bà Nguyễn Thị L phải trả lãi cho chị Trần Thị L với thời gian 9 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền bằng 14.566.500 đồng [195.000.0000 đồng x (0,83% x 9 tháng)]. Tổng cộng các khoản bằng = 209.566.500 đồng *(Hai trăm lẻ chín triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng)*.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 10.478.300 đồng *(mười triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Chị Trần Thị L không phải chịu, hoàn trả chị Trần Thị L số tiền 5.175.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015351 ngày 13/3/2018 và biên lai thu số 0017804 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* do bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai số 0019803 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào số tiền bà L phải chịu. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 ,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Lực